

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tâm, bà Phan Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên;

Tạm trú: Khu phố P, TT. C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(*Cùng có mặt*).

- *Người làm chứng:* L, sinh năm 1954; M, sinh năm 1991; G, sinh năm 1998; Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên (*Cùng có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn N trình bày:**

- *Quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông T thường uống rượu về gây sự, mắng chửi vợ con. Mâu thuẫn kéo dài, bà N bỏ về phía bà (*Khu phố B, thị trấn C*) sống từ tháng 5/2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết, bà N xin được ly hôn ông T.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên là: Q, sinh ngày 25/5/2009; Đ, sinh ngày 30/11/2013. Hiện, bà N đang nuôi con tên Q, ông T đang nuôi con tên Đ. Bà N xin được nuôi các con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu giao bà N nuôi con tên Q, ông T nuôi con tên Đ như các bên đã nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* **Bị đơn T** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản ý kiến, không đến Tòa tham gia hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn T trình bày: Quan hệ hôn nhân của hai bên đúng như bà N trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, có lúc ông T uống say có cự cãi với bà N. Từ tháng 5/2022, bà N bỏ về phía bà ở khu phố B, thị trấn C, huyện T sinh sống. Nay, ông T không muốn ly hôn, hứa sẽ khắc phục khuyết điểm, xin đoàn tụ để nuôi con.

Về con chung: Có 02 con như bà N khai. Nếu ly hôn, thống nhất giao bà N nuôi con tên Q, ông T nuôi con tên Đ, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N, ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 06/5/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà N, ông T có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và tự xa nhau từ tháng 5/2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Những người làm chứng M, L, G và các con của ông T, bà N đều khai vợ chồng bà N, ông T thường cãi nhau, hiện không còn sinh sống cùng nhau là sự thật.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà N, ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Q đang do bà N nuôi dưỡng, con chung tên Đ đang do ông T nuôi dưỡng nên tránh xáo trộn về chỗ ở, tạo điều kiện cho cháu Q, cháu Đ phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung tên Q cho bà N nuôi dưỡng; giao con chung tên Đ cho ông T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy ông T, bà N, mỗi người nuôi 01 con và các bên thống nhất không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận: Ông T, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về yêu cầu xin ly hôn.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà N được ly hôn ông T.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Giao con chung Q, sinh ngày 25/5/2009 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng;

+ Giao con chung Đ, sinh ngày 30/11/2013 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà N, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà N phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002459 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND H. Tây Hòa;
 - Cục THADS H. Tây Hòa;
 - UBND xã S
- (*GĐKKH số 16, ngày 06/5/2008*);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Huệ